**PHIẾU SỐ: 01**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu chế độ trong ngày, tuần? Nêu các chế độ trong ngày, trong tuần?**

*\* Làm việc và sinh hoạt trong ngày gồm:* 11 chế độ.

- Treo quốc kỳ;

- Thức dậy;

- Thể dục sáng;

- Kiểm tra sáng;

- Học tập;

- Ăn uống;

- Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị;

- Thể thao, tăng gia sản xuất;

- Đọc báo, nghe tin;

- Điểm danh, điểm quân số;

- Ngủ nghỉ.

\* *Làm việc và sinh hoạt trong tuần gồm:* 3 chế độ.

- Chào cờ, duyệt đội ngũ;

- Thông báo chính trị;

- Tổng vệ sinh doanh trại;

**Câu 2:Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hành động tác: tiến lùi, qua phải, qua trái theo 2 bước (bước 1, 3)?**

*Ý nghĩa:*Để di chuyển vị trí ở cự ly ngắn từ 5 bước trở lại và điều chỉnh đội hình được trật tự, thống nhất.

**1. Động tác tiến, lùi**

*a) Động tác tiến:*

- Khẩu lệnh: “Tiến X bước – BƯỚC” có dự lệnh và động lệnh; “Tiến X bước là dự lệnh, “BƯỚC” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “BƯỚC”, chân trái bước trước rồi đến chân phải bước tiếp theo (độ dài bước như đi đều), hai tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm. Khi tiến đủ số bước quy định thì đứng lại đưa chân phải (trái) lên thành tư thế đứng nghiêm.

*b) Động tác lùi:*

- Khẩu lệnh: “Lùi X bước – BƯỚC” có dự lệnh và động lệnh; “Lùi X bước là dự lệnh, “BƯỚC” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “BƯỚC”, chân trái lùi trước rồi đến chân phải, hai tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm. Khi lùi đủ số bước quy định thì đứng lại đưa chân phải (trái) về thành tư thế đứng nghiêm.

**2. Động tác qua phải, qua trái**

*a) Động tác qua phải:*

- Khẩu lệnh: “Qua phải X bước – BƯỚC” có dự lệnh và động lệnh; “Qua phải X bước là dự lệnh, “BƯỚC” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “BƯỚC”, chân phải bước sang phải, mỗi bước rộng bằng vai (tính từ mép ngoài của hai bàn chân). Sau mỗi bước kéo chân trái về thành tư thế đứng nghiêm rồi mới bước tiếp bước khác, bước đủ số bước thì dừng lại.

*b) Động tác qua trái:*

- Khẩu lệnh: “Qua trái X bước – BƯỚC” có dự lệnh và động lệnh; “Qua trái X bước là dự lệnh, “BƯỚC” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “BƯỚC” thực hiện như động tác qua phải, chỉ khác: di chuyển sang bên trái,.

*Những điểm cần chú ý:*

- Cự ly trên 5 bước thì phải làm động tác đi đều hoặc chạy đều. Khi lùi hoặc qua phải, qua trái trên 5 bước phải quay về hướng mới, về tư thế đứng nghiêm, rồi mới đi đều hoặc chạy đều.

- Tiến, lùi độ dài mỗi bước như đi đều.

**PHIẾU SỐ: 02**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu chức trách chiến sĩ? Nêu nội dung từng chức trách.**

**Điều 35, mục 10, Chương II: Quy định chức trách, nhiệm vụ chiến sĩ như sau: *( Gồm 5 chức trách).***

1. Hiểu biết và thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm vinh dự của người chiến sỹ trong quân đội.

2. Rèn luyện bản lĩnh chiến đấu, rèn luyện thể lực, tích cực học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, dũng cảm không sợ hi sinh gian khổ, kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ.

3. Giữ tốt và sử dụng thành thạo các loại vũ khí trang bị quân trang và dụng cụ được giao, có trách nhiệm bảo vệ tài sản chung.

4. Tự giác chấp hành nghiêm kỷ luật quân đội và mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên, pháp luật của nhà nước.

5. Tích cực xây dựng đơn vị, đoàn kết thương yêu đồng chí đồng đội, tôn trọng cấp trên và giúp đỡ nhân dân.

**Câu 2: Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hành động tác: Đi đều, đứng lại theo 2 bước (bước 1, 3)?**

*\* Ý nghĩa:*Thực hiện khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí có trật tự biểu hiện sự thống nhất, hùng mạnh, trang nghiêm của Quân đội.

***1. Động tác đi đều.***

Khẩu lệnh: "Đi đều – BƯỚC" khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh"Đi đều" là dự lệnh "BƯỚC" là động lệnh.

Động tác" Nghe dứt động lệnh "BƯỚC" làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên cách chân phải 75cm (tính từ gót chân nọ lên gót chân kia), đặt gót rồi đến cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, đồng thời tay phải đánh ra phía trước khuỷu tay gập lại và nâng lên, cánh tay trên tạo với thân người một góc 600, cánh tay dưới thành đường bằng, song song với mặt đất, cách thân người 20cm có độ dừng, nắm tay úp xuống, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ cao ngang mép dưới và thẳng với cúc túi áo ngực bên trái, (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ: khi mặc áo quân phục thường dùng mùa hè mép trên cánh tay dưới cao ngang với mép dưới cúc áo thứ hai từ trên xuống; khi mặc áo quân phục thường dùng mùa đông mép dưới của cánh tay dưới cao ngang với mép trên cúc áo thứ hai từ trên xuống. Cánh tay cách thân người 20 cm, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ thẳng đường chiết ly ngực áo bên trái. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nữ, cơ bản như sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ, chỉ khác mép trên cánh tay dưới cao ngang mép dưới cúc áo thứ ba tính từ trên xuống). Tay trái đánh về phía sau cánh tay thẳng, sát thân người, hợp với thân người một góc 450 có độ dừng, lòng bàn tay quay vào trong. Mắt nhìn thẳng.

*+ Cử động 2:* Chân phải bước lên cách chân trái 75 cm, tay trái đánh ra phía trước như tay phải ở cử động 1 (Chỉ khác khớp xương thứ ba ngón tay trỏ cao ngang mép dưới và thẳng với túi áo ngực bên phải, đối với quân nhân nữ, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ thẳng đường chiết ly ngực áo bên phải), tay phải đánh ra phía sau như tay trái ở cử động 1. Cứ như vậy chân nọ tay kia tiếp tục bước với tốc độ 106 bước trong 1 phút.

***2. Động tác đứng lại***

- Khẩu lệnh: "Đứng lại – ĐỨNG" có dự lệnh và động lênh, "Đứng lại" là dự lệnh, "ĐỨNG" là động lệnh.

Người chỉ huy hô "Đứng lại" và động lệnh "ĐỨNG" đều rơi vào chân phải.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐỨNG", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên 1 bước (bàn chân đặt chếch sang trái 22,50).

+ *Cử động 2:* Chân phải đưa lên ngang với chân trái (bàn chân đặt chếch sang phải 22,50). hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

*\* Những điểm chú ý:*

- Khi đánh tay ra phía trước phải đúng độ cao. Đúng góc độ của cánh tay trên với thân người.

- Đánh tay ra phía sau thẳng tự nhiên.

- Giữ vững độ dài mỗi bước đi và tốc độ đi.

- Người ngay ngắn, không nghiêng ngả, gật gù, liếc mắt hoặc quay nhìn xung quanh, không nói chuyện.

- Mắt nhìn thẳng, nét mặt vui tươi phấn khởi.

**PHIẾU SỐ: 03**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu lời thề danh dự của quân nhân?nêu lời thề 1,2,3,9,10.**

Điều 128, mục 1, chương 10, ĐLQLBĐ quy định có 10 lời thề danh dự của quân nhân.

1. Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam; dưới sự lãnh đạo của đẳng cộng sản việt nam, phấn đấu thực hiện một nước việt nam hòa bình, độc lập và xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân daan thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

2. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh cấp trên; khi nhận bất cứ nhiệm vụ gì, đều tận tâm, tận lực thi hành nhanh chóng và chính xác

3. Không ngừng nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sàn, rèn luyện ý chí chiến đấu kiên quyết và bền bỉ, thắng không kiêu, bại không nản, dù gian lao khổ hạnh cũng không sờn lòng, vào sống ra chết cũng không nản chí “ nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

9. Khi tiếp xúc với nhân dân, làm **đúng 3 điều nên**

Kính trọng dân

Giúp đỡ dân

Bảo vệ dân

**Và 3 điều răn**

Không lấy của dân

Không dọa nạt dân

Không quấy nhiễu dân

Để gây lòng ti cậy, yêu mến của nhân dân, thực hiện quân với dân một ý trí.

10. Giữ vững phẩm chất tốt đẹp và truyền thống quyết chiến, quyết thắng của quân đội nhân dân, luôn tự phê bình và phê bình, không làm điều gì hại tới danh dự của quân đội và quốc thể nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Câu 2: Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hành động tác: bỏ mũ, đội mũ, đặt mũ ( bước 1, 3).**

*Ý nghĩa:* Để vận dụng trong học tập, sinh hoạt ở ngoài trời khi cần thiết phải bỏ mũ. Hoặc khi kiểm tra tóc thực hiện được thống nhất, chính quy.

**1. Động tác bỏ mũ, đội mũ (Mũ kê pi)**

*a) Đông tác bỏ mũ:*

- Khẩu lệnh: “BỎ MŨ”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “BỎ MŨ”, làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Tay trái đưa lên nắm ở phía trước chính giữa lưỡi trai, ngón tay cái ở bên trong, bốn ngón con khép lại bên ngoài.

*+ Cử động 2:* Lấy mũ ra khỏi đầu, tay trái đưa xuống đồng thời ngón tay cái gập xuống, hướng vào lòng bàn tay, cánh tay trên sát người, cánh tay dưới thăng bằng, vuông góc với cánh tay trên (Thành chữ L), mũ nằm trên cánh tay dưới, quân hiệu ở phía trước.

Nếu có quai mũ ở cằm: Dùng ngón tay cái tay trái đưa quai mũ ra khỏi cằm, rồi đưa tay lên nắm lưỡi trai theo hai cử động trên.

*b) Động tác đội mũ:*

- Khẩu lệnh: “ĐỘI MŨ”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐỘI MŨ”, tay trái đưa mũ lên đội và sửa lại ngay ngắn, xong đưa tay về thành tư thế đứng nghiêm. Khi cần bỏ quai mũ xuống cằm, trước khi đội tay phải đưa vào trong vành mũ lấy quai mũ ra, kết hợp hai tay đưa dây mũ vào cằm.

**2. Động tác bỏ mũ, đội mũ khi đội mũ cứng**

*a) Động tác bỏ mũ:*

- Khẩu lệnh: “BỎ MŨ”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “BỎ MŨ”, làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Tay trái đưa lên nắm phía trước, chính giữa vành mũ, ngón tay cái bên trong, bốn ngón con khép lại bên ngoài.

*+ Cử động 2:* Lấy mũ ra khỏi đầu, tay trái đưa mũ thẳng xuống, dọc theo thân người, quan hiệu ở phía trên.

Nếu có quai mũ ở cằm: Dùng ngón tay cái tay trái đưa quai mũ ra khỏi cằm, rồi đưa tay lên nắm vành mũ theo hai cử động trên.

*b) Động tác đội mũ:*

- Khẩu lệnh: “ĐỘI MŨ”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐỘI MŨ”, tay trái nắm chính giữa vành mũ đưa mũ lên đội và sửa lại ngay ngắn, xong đưa tay về thành tư thế đứng nghiêm.

**4. Động tác đặt mũ, đội mũ**

*a) Đông tác đặt mũ:*

- Khẩu lệnh: “ĐẶT MŨ”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐẶT MŨ”, làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Tay trái đưa lên nắm lưỡi trai hoặc vành mũ như động tác bỏ mũ.

*+ Cử động 2:* Lấy mũ ra khỏi đầu, tay phải đưa lên cầm bên phải vành mũ, bốn ngón con phía dưới, ngón cái phía trên (Đối với mũ kê pi); bốn ngón con bên trong, ngón cái bên ngoài (đối với mũ cứng). tay trái đưa sang nắm bên phải vành mũ (Như tay phải). Đồng thời cúi người xuống, hai tay đặt mũ xuống đất, cách hai đầu bàn chân 20cm hoặc đặt trên ba lô, quân hiệu hướng về trước, đặt xong về tư thế đứng nghiêm.

Khi ngồi trong hội trường, mũ đặt trên bàn ở phía trước bên trái, quân hiệu hướng về trước.

*b) Động tác đội mũ:*

- Khẩu lệnh: “ĐỘI MŨ”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐÔỊ MŨ”, làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Cúi người xuống, hai tay đưa xuống nắm vành mũ. Tay phải nắm vành mũ bên phải, bốn ngón con phía dưới, ngón cái phía trên (Đối với mũ kê pi); bốn ngón con bên trong, ngón cái bên ngoài (Đối với mũ cứng). Tay trái nắm vành mũ bên trái (Như tay phải). Đứng thẳng người lên, hai tay nâng mũ.

*+ Cử động 2:* Tay trái đưa lên cầm phía trước lưỡi trai hoặc vành mũ (như), tay phải rời vành mũ về tư thế đứng nghiêm, đồng thời tay trái đưa mũ lên đội vào đầu, đội xong đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

Khi cần bỏ quai mũ xuống cằm, đội xong tay trái đặt lên vành mũ kéo quai xuống kết hợp hai tay đưa quai mũ vào cằm.

*Những điểm cần chú ý:*

- Khi bỏ mũ, đội mũ, đặt mũ tay không nắm chờm lên quân hiệu, không nói chuyện.

- Đầu ngay thẳng không nghiêng ngả, không cúi xuống.

- Khi đặt mũ phải thẳng hàng ngang, hàng dọc, quân hiệu hướng về trước.

**PHIẾU SỐ: 04**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu lời thề danh dự của quân nhân? Nêu lời thề 4,5,6,7,8.**

Điều 128, mục 1, chương 10, ĐLQLBĐ quy định có 10 lời thề danh dự của quân nhân.

4. Ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, triệt để chấp hành điều lệnh, điều lệ, rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật và tác phong chính quy, xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu.

5. Nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, xã hội chủ nghĩa, làm tròn nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện mọi đường chủ trương của Đảng, chính sách và luật pháp của nhà nước.

6. Luôn luôn cảnh giác, tuyệt đối giữ bí mật quân sự và bí mật quốc gia. Nếu bị quân địch bắt dù phải chịu cực hình tàn khốc thế nào cũng cương quyết một lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng, không bao giwof phản bội, xưng khai.

7. Đoàn kết chặt chẽ với nhâu như ruột thịt, trên tình thương yêu giai cấp; hết lòng giúp đỡ lẫn nhau lúc thường cũng như lúc ra trận; thực hiện toàn quân một ý chí.

8. Ra sức giữ gìn vũ khí, trang bị, quyết không để hư hỏng hoặc rơi vào tay quân thù. Luôn nêu cao tinh thần bảo vệ của công, không tham ô, lãng phí.

**Câu 2: Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hiện động tác: Đi đều chuyển thành đi nghiêm nhìn bên phải chào và thôi chào theo 2 bước (bước 1,3).**

*\* Ý nghĩa:* Thực hiện khi duyệt đội ngũ, duyệt binh, diễu binh...Để biểu thị phong cách quân nhân hùng mạnh, trang nghiêm, thống nhất của quân đội chính quy.

*1. Động tác đi đều chuyển thành đi nghiêm nhìn bên phải(trái) chào.*

*a) Khẩu lệnh:*

"Nhìn bên phải (trái) - CHÀO" có dự lệnh và động lệnh; "Nhìn bên phải (trái)" là dự lệnh, "CHÀO" là động lệnh.

Người chỉ huy hô dự lệnh "Nhìn bên phải (trái)" và động lệnh "CHÀO" đều rơi vào chân trái.

*b) Động tác:* Nghe dứt động lệnh "CHÀO", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân phải bước lên, chân trái bước lên bước thứ nhất (vẫn đi đều) khi bàn chân trái vừa chạm đất mặt đánh lên 150.

*+ Cử động 2:* Chân phải tiếp tục bước lên, chân trái bước lên bước thứ 2, chuyển thành đi nghiêm. Khi bàn chân trái vừa chạm đất, đồng thời quay mặt sang phải (trái) 450 chào.

\* Khi đi tập thể trong huấn luyện, duyệt đội ngũ, duyệt binh, nghe dứt động lệnh "CHÀO" mọi quân nhân thực hiện động tác, cử động 1 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô "**Một",** cử động 2 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô **"Hai".**

*2. Động tác đi nghiêm nhìn bên phải (trái) chào chuyển thành đi đều, thôi chào*

*a) Khẩu lệnh:*

"Đi đều – BƯỚC" có dự lệnh và động lệnh; "Đi đều" là dự lệnh, "BƯỚC" là động lệnh.

Người chỉ huy hô dự lệnh "Đi đều" và động lệnh "BƯỚC" đều rơi vào chân trái.

*b) Động tác:*

Nghe dứt động lệnh "BƯỚC", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân phải bước lên, chân trái bước lên bước thứ nhất (vẫn đi nghiêm chào) khi bàn chân trái vừa chạm đất, đồng thời quay mặt về trước.

*+ Cử động 2:* Chân phải tiếp tục bước lên, chân trái bước lên bước thứ 2 chuyển thành đi đều, khi bàn chân trái vừa chạm đất đồng thời đánh mặt xuống 150, trở lại động tác đi đều.

\* Khi đi tập thể trong huấn luyện, duyệt đội ngũ, duyệt binh, nghe dứt động lệnh "CHÀO" mọi quân nhân thực hiện động tác, cử động 1 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô "Một", cử động 2 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô "Hai".

*\* Những điểm cần chú ý:*

- Chuyển bước đúng động tác, không bước quá dài hoặc bước ngắn lại, không tăng hoặc giảm tốc độ đi.

- Khi chuyển bước, phải đúng vào chân trái (bước thứ 2); luyện ba kết hợp: mặt, tay, chân cùng một lúc thật ăn khớp, nhịp nhàng, thống nhất

**PHIẾU SỐ: 05**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân? Nêu nội dung 5,6,7,8,9.**

Điều 129, mục 1, chương 10, ĐLQLBĐ quy định có 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân.

5. Phải nghiêm chỉnh chấp hành chính sách dân tộc, tôn trọng tự do, tín ngưỡng, phong tục tập quán của nhân dân.

6. Phải đoàn kết chặt chẽ với nhân dân, kính già yêu trẻ, đứng đắn vowuis phụ nữ

7. Không dọa nạt đánh mắng nhân dân

8. Phải bảo vệ tính mạng, tài sản của tập thể và của nhà nước.

9. Phải đoàn kết tôn trọng và ủng hộ các cơ quan dân, chính đảng, các lực lượng vũ trang địa phương.

**Câu 2: Đồng chí nêu trường hợp vận dụng, hô khẩu lệnh và thực hiện động tác: Đổi chấn trong khi đi và đứng lại theo 2 bước (bước 1,3).**

**1. Đổi chân trong khi đi**

**\* Trường hợp vận dụng**

- Khi đang đi đều, tiếng hô của người chỉ huy: “một” rơi vào lúc bàn chân trái vừa chạm đất, “hai” rơi vào lúc bàn chân phải vừa chạm đất. Quân nhân đi trong phân đội, khi thấy mình đi sai với nhịp hô của người chỉ huy thì phải đổi chân ngay.

**- Động tác đổi chân gồm 3 cử động:**

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên 1 bước.

*+ Cử động 2:* Chân phải bước tiếp một bước ngắn (bước đệm) đặt sau gót chân trái, lấy mũi bàn chân phải làm trụ, chân trái bước nhanh về trước một bước ngắn (lúc này tay phải đánh về trước, tay trái đánh về sau có dừng lại).

*+ Cử động 3:* Chân phải bước lên phối hợp với đánh tay, đi đều theo nhịp bước thống nhất.

***2. Động tác đứng lại***

- Khẩu lệnh: "Đứng lại – ĐỨNG" có dự lệnh và động lênh, "Đứng lại" là dự lệnh, "ĐỨNG" là động lệnh.

Người chỉ huy hô "Đứng lại" và động lệnh "ĐỨNG" đều rơi vào chân phải.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐỨNG", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên 1 bước (bàn chân đặt chếch sang trái 22,50).

+ *Cử động 2:* Chân phải đưa lên ngang với chân trái (bàn chân đặt chếch sang phải 22,50). hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

*Những điểm cần chú ý:*

- Khi thấy mình đi sai với nhịp đi chung phải đổi chân ngay.

- Khi đổi chân không nhảy cò.

- Tay, chân phối hợp nhịp nhàng.

**PHIẾU SỐ: 06**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân? Nêu nội dung 3, 4, 10, 11, 12.**

Điều 129, mục 1, chương 10, ĐLQLBĐ quy định có 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân.

3. Mượn cái gì của nhân dân phải hỏi, dùng xong phải trả, làm hỏng, làm mất phải đền

4. Đóng quân nhà dân không được làm phiền nhiễu nhân dân, phải giữ gìn nhà cửa sạch sẽ

10. Phải gương mẫu chấp hành mọi đường lối, chính sách của đảng và pháp luật của nhà nước.

11. Phải tích cực tuyên truyền, vận động, giúp đỡ nhân dân thực hiện mọi đường lối, chính sách của đảng và pháp luật của nhà nước.

12. Phải giữ gìn bí mật và vận động nhân dân giữ bí mật của nhà nước và quân đội.

**Câu 2: Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hành động tác: Đi nghiêm, đứng lại theo 2 bước (bước 1, 3).**

*\* Ý nghĩa:*Thực hiện khi duyệt đội ngũ, duyệt binh, diễu binh, khi làm nhiệm vụ tiêu binh danh dự, để biểu thị phong cách quân nhân hùng mạnh, trang nghiêm, thống nhất của quân đội chính quy.

*1. Động tác đi nghiêm*

Khẩu lệnh: "Đi nghiêm – BƯỚC" có dự lệnh và động lệnh; "Đi nghiêm" là dự lệnh, "BƯỚC" là động lệnh.

Nghe động lệnh "BƯỚC", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên một bước đầu gối thẳng, bàn chân thẳng hướng tiến song song với mặt đất, cách mặt đất 30 cm rồi đặt mạnh cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, thân trên ở tư thế nghiêm. Tay phải đánh ra trước khủy tay gập lại và nâng lên, cánh tay trên tạo với thân người một góc 800, cánh tay dưới thành đường thăng bằng, song song với mặt đất cách thân người 20 cm có độ dừng, nắm tay úp xuống, mép dưới của nắm tay cao ngang mép trên của túi áo ngực bên trái, khớp xương thứ ba của ngón tay trỏ thẳng với cúc túi áo ngực bên trái (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ: khi mặc áo quân phục thường dùng mùa hè mép trên cánh tay dưới cao ngang với mép dưới cúc áo thứ nhất tính từ trên xuống; khi mặc áo quân phục thường dùng mùa đông mép dưới của canh tay dưới cao ngang với mép trên cúc áo thứ nhất tính từ trên xuống. Cách thân người 20 cm, khớp xương thứ ba của ngón tay trỏ thẳng đường chiết ly ngực áo bên trái. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nữ cở bản như sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ chỉ khác: mép trên của cánh tay dưới ngang với mép dưới cúc áo thứ hai tính từ trên xuống). Tay trái đánh về phía sau hết cỡ có độ dừng, cánh tay thẳng, sát thân người, lòng bàn tay quay vào trong, mắt nhìn thẳng.

*+ Cử động 2:* Chân phải bước lên một bước như chân trái, tay trái đánh về trước như tay phải ở cử động 1 (chỉ khác: mép dưới của nắm tay cao ngang với mép trên túi áo ngực bên phải, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ thẳng với cúc túi áo ngực bên phải. Đối với quân nhân nữ khớp xương thứ ba của ngón tay trỏ thẳng với đường chiết ly ngực bên phải), tay phải đánh ra phía sau như tay trái ở cử động 1, cứ như vậy chân nọ tay kia tiếp tục bước với tốc độ 106 bước trong một phút.

*2. Động tác đứng lại*

- Khẩu lệnh: "Đứng lại – ĐỨNG" có dự lệnh và động lệnh; "Đứng lại" là dự lệnh, "ĐỨNG" là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐỨNG", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên một bước bàn chân đặt chếch sang trái 22,50.

*+ Cử động 2:* Chân phải bước lên sát với chân trái (bàn chân đặt chếch sang phải 22,50) đồng thời hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

*\* Những điểm cần chú ý:*

- Chân bước lên đầu gối thẳng, không vung chân.

- Mũi bàn chân không chếch lên, không chếch sang phải, sang trái.

- Đặt bàn chân xuống, không nện gót hoặc mũi bàn chân xuống đất mà đặt mạnh cả bàn chân xuống đất.

- Tư thế người ngay ngắn, nghiêm trang, không nghiêng ngả, mắt nhìn thẳng.

- Tay đánh nhịp nhàng không giật cục, đánh về phía trước đúng độ cao, đánh về phía sau phải hết cỡ.

**PHIẾU SỐ: 07**

**Câu 1: Đông chí cho biết có bao nhiêu hình thức khen thưởng đối với HSQ - BS?Nêu các hình thức đó**

*\* Hình thức khen thưởng đối với HSQ-BS gồm:* 8hình thức.

- Biểu dương;

- Chụp ảnh trước Quân kỳ;

- Tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến; Lao động tiên tiến;

- Tặng giấy khen;

- Tặng bằng khen;

- Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua;

- Tặng huy chương, huân chương;

- Tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước.

**Câu 2: Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hiện động tác: Đi đều chuyển thành đi nghiêm nhìn bên phải chào và thôi chào theo 2 bước (bước 1,3).**

*\* Ý nghĩa:* Thực hiện khi duyệt đội ngũ, duyệt binh, diễu binh...Để biểu thị phong cách quân nhân hùng mạnh, trang nghiêm, thống nhất của quân đội chính quy.

*1. Động tác đi đều chuyển thành đi nghiêm nhìn bên phải(trái) chào.*

*a) Khẩu lệnh:*

"Nhìn bên phải (trái) - CHÀO" có dự lệnh và động lệnh; "Nhìn bên phải (trái)" là dự lệnh, "CHÀO" là động lệnh.

Người chỉ huy hô dự lệnh "Nhìn bên phải (trái)" và động lệnh "CHÀO" đều rơi vào chân trái.

*b) Động tác:* Nghe dứt động lệnh "CHÀO", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân phải bước lên, chân trái bước lên bước thứ nhất (vẫn đi đều) khi bàn chân trái vừa chạm đất mặt đánh lên 150.

*+ Cử động 2:* Chân phải tiếp tục bước lên, chân trái bước lên bước thứ 2, chuyển thành đi nghiêm. Khi bàn chân trái vừa chạm đất, đồng thời quay mặt sang phải (trái) 450 chào.

\* Khi đi tập thể trong huấn luyện, duyệt đội ngũ, duyệt binh, nghe dứt động lệnh "CHÀO" mọi quân nhân thực hiện động tác, cử động 1 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô "**Một",** cử động 2 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô **"Hai".**

*2. Động tác đi nghiêm nhìn bên phải (trái) chào chuyển thành đi đều, thôi chào*

*a) Khẩu lệnh:*

"Đi đều – BƯỚC" có dự lệnh và động lệnh; "Đi đều" là dự lệnh, "BƯỚC" là động lệnh.

Người chỉ huy hô dự lệnh "Đi đều" và động lệnh "BƯỚC" đều rơi vào chân trái.

*b) Động tác:*

Nghe dứt động lệnh "BƯỚC", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân phải bước lên, chân trái bước lên bước thứ nhất (vẫn đi nghiêm chào) khi bàn chân trái vừa chạm đất, đồng thời quay mặt về trước.

*+ Cử động 2:* Chân phải tiếp tục bước lên, chân trái bước lên bước thứ 2 chuyển thành đi đều, khi bàn chân trái vừa chạm đất đồng thời đánh mặt xuống 150, trở lại động tác đi đều.

\* Khi đi tập thể trong huấn luyện, duyệt đội ngũ, duyệt binh, nghe dứt động lệnh "CHÀO" mọi quân nhân thực hiện động tác, cử động 1 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô "Một", cử động 2 khi bàn chân trái vừa chạm đất hô "Hai".

*\* Những điểm cần chú ý:*

- Chuyển bước đúng động tác, không bước quá dài hoặc bước ngắn lại, không tăng hoặc giảm tốc độ đi.

- Khi chuyển bước, phải đúng vào chân trái (bước thứ 2); luyện ba kết hợp: mặt, tay, chân cùng một lúc thật ăn khớp, nhịp nhàng, thống nhất

**PHIẾU SỐ: 08**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu hình thức kỷ luật đối với HSQ – BS (Theo thông tư 143/2023/TT-BQP ngày 21/2/2020? Nêu các hình thức đó!**

Hình thức kỷ luật đối với HSQ-BS thực hiện theo quy định khoản 1 điều 60 luật nghĩa vụ quân sự được xếp từ thấp đến cao như sau:

- Khiển trách

- Cảnh cáo

- Giáng chức

- Cách chức

- Giáng cấp bậc quân hàm

- Tước danh hiệu quân nhân

**Câu 2: Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hành động tác: Đi nghiêm, đứng lại theo 2 bước (bước 1, 3).**

*\* Ý nghĩa:*Thực hiện khi duyệt đội ngũ, duyệt binh, diễu binh, khi làm nhiệm vụ tiêu binh danh dự, để biểu thị phong cách quân nhân hùng mạnh, trang nghiêm, thống nhất của quân đội chính quy.

*1. Động tác đi nghiêm*

Khẩu lệnh: "Đi nghiêm – BƯỚC" có dự lệnh và động lệnh; "Đi nghiêm" là dự lệnh, "BƯỚC" là động lệnh.

Nghe động lệnh "BƯỚC", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên một bước đầu gối thẳng, bàn chân thẳng hướng tiến song song với mặt đất, cách mặt đất 30 cm rồi đặt mạnh cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, thân trên ở tư thế nghiêm. Tay phải đánh ra trước khủy tay gập lại và nâng lên, cánh tay trên tạo với thân người một góc 800, cánh tay dưới thành đường thăng bằng, song song với mặt đất cách thân người 20 cm có độ dừng, nắm tay úp xuống, mép dưới của nắm tay cao ngang mép trên của túi áo ngực bên trái, khớp xương thứ ba của ngón tay trỏ thẳng với cúc túi áo ngực bên trái (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ: khi mặc áo quân phục thường dùng mùa hè mép trên cánh tay dưới cao ngang với mép dưới cúc áo thứ nhất tính từ trên xuống; khi mặc áo quân phục thường dùng mùa đông mép dưới của canh tay dưới cao ngang với mép trên cúc áo thứ nhất tính từ trên xuống. Cách thân người 20 cm, khớp xương thứ ba của ngón tay trỏ thẳng đường chiết ly ngực áo bên trái. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nữ cở bản như sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ chỉ khác: mép trên của cánh tay dưới ngang với mép dưới cúc áo thứ hai tính từ trên xuống). Tay trái đánh về phía sau hết cỡ có độ dừng, cánh tay thẳng, sát thân người, lòng bàn tay quay vào trong, mắt nhìn thẳng.

*+ Cử động 2:* Chân phải bước lên một bước như chân trái, tay trái đánh về trước như tay phải ở cử động 1 (chỉ khác: mép dưới của nắm tay cao ngang với mép trên túi áo ngực bên phải, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ thẳng với cúc túi áo ngực bên phải. Đối với quân nhân nữ khớp xương thứ ba của ngón tay trỏ thẳng với đường chiết ly ngực bên phải), tay phải đánh ra phía sau như tay trái ở cử động 1, cứ như vậy chân nọ tay kia tiếp tục bước với tốc độ 106 bước trong một phút.

*2. Động tác đứng lại*

- Khẩu lệnh: "Đứng lại – ĐỨNG" có dự lệnh và động lệnh; "Đứng lại" là dự lệnh, "ĐỨNG" là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐỨNG", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên một bước bàn chân đặt chếch sang trái 22,50.

*+ Cử động 2:* Chân phải bước lên sát với chân trái (bàn chân đặt chếch sang phải 22,50) đồng thời hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

*\* Những điểm cần chú ý:*

- Chân bước lên đầu gối thẳng, không vung chân.

- Mũi bàn chân không chếch lên, không chếch sang phải, sang trái.

- Đặt bàn chân xuống, không nện gót hoặc mũi bàn chân xuống đất mà đặt mạnh cả bàn chân xuống đất.

- Tư thế người ngay ngắn, nghiêm trang, không nghiêng ngả, mắt nhìn thẳng.

- Tay đánh nhịp nhàng không giật cục, đánh về phía trước đúng độ cao, đánh về phía sau phải hết cỡ.

**PHIẾU SỐ: 09**

**Câu 1: Đồng chí cho biết có bao nhiêu chức trách quân nhân? Nêu chức 1, 2, 8, 9, 10.**

**Điều 7, Mục 1, Chương II: Quy định chức trách quân nhân như sau: *(Gồm 10 chức trách)***

1. Thực hiện đúng 10 lời thề danh dự 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân. Luôn rèn luyện ý chí chiến đấu khắc phục mọi khó khăn, không sợ hi sinh gian khổ, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

2. Tuyệt đối phục tùng lãnh đạo chỉ huy, chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên và điều lệnh, điều lệ, chế độ quy định của quân đội.

8. Gương mẫu chấp hành pháp luật nhà nước, quy tắc sinh hoạt xã hội, bảo vệ cơ quan Đảng, nhà nước. Cùng với nhân dân và chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự và trật tự an toàn xã hội.

9. Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

10. Chấp hành đúng chính sách đối với tù binh, hàng binh. Tích cực tiến hành công tác tuyên truyền đặc biệt.

**Câu 2: Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hành động tác: Đi đều, đứng lại theo 2 bước (bước 1, 3)?**

*\* Ý nghĩa:*Thực hiện khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí có trật tự biểu hiện sự thống nhất, hùng mạnh, trang nghiêm của Quân đội.

***1. Động tác đi đều.***

Khẩu lệnh: "Đi đều – BƯỚC" khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh"Đi đều" là dự lệnh "BƯỚC" là động lệnh.

Động tác" Nghe dứt động lệnh "BƯỚC" làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên cách chân phải 75cm (tính từ gót chân nọ lên gót chân kia), đặt gót rồi đến cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, đồng thời tay phải đánh ra phía trước khuỷu tay gập lại và nâng lên, cánh tay trên tạo với thân người một góc 600, cánh tay dưới thành đường bằng, song song với mặt đất, cách thân người 20cm có độ dừng, nắm tay úp xuống, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ cao ngang mép dưới và thẳng với cúc túi áo ngực bên trái, (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ: khi mặc áo quân phục thường dùng mùa hè mép trên cánh tay dưới cao ngang với mép dưới cúc áo thứ hai từ trên xuống; khi mặc áo quân phục thường dùng mùa đông mép dưới của cánh tay dưới cao ngang với mép trên cúc áo thứ hai từ trên xuống. Cánh tay cách thân người 20 cm, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ thẳng đường chiết ly ngực áo bên trái. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nữ, cơ bản như sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp nữ, chỉ khác mép trên cánh tay dưới cao ngang mép dưới cúc áo thứ ba tính từ trên xuống). Tay trái đánh về phía sau cánh tay thẳng, sát thân người, hợp với thân người một góc 450 có độ dừng, lòng bàn tay quay vào trong. Mắt nhìn thẳng.

*+ Cử động 2:* Chân phải bước lên cách chân trái 75 cm, tay trái đánh ra phía trước như tay phải ở cử động 1 (Chỉ khác khớp xương thứ ba ngón tay trỏ cao ngang mép dưới và thẳng với túi áo ngực bên phải, đối với quân nhân nữ, khớp xương thứ ba ngón tay trỏ thẳng đường chiết ly ngực áo bên phải), tay phải đánh ra phía sau như tay trái ở cử động 1. Cứ như vậy chân nọ tay kia tiếp tục bước với tốc độ 106 bước trong 1 phút.

***2. Động tác đứng lại***

- Khẩu lệnh: "Đứng lại – ĐỨNG" có dự lệnh và động lênh, "Đứng lại" là dự lệnh, "ĐỨNG" là động lệnh.

Người chỉ huy hô "Đứng lại" và động lệnh "ĐỨNG" đều rơi vào chân phải.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐỨNG", làm 2 cử động:

*+ Cử động 1:* Chân trái bước lên 1 bước (bàn chân đặt chếch sang trái 22,50).

+ *Cử động 2:* Chân phải đưa lên ngang với chân trái (bàn chân đặt chếch sang phải 22,50). hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

*\* Những điểm chú ý:*

- Khi đánh tay ra phía trước phải đúng độ cao. Đúng góc độ của cánh tay trên với thân người.

- Đánh tay ra phía sau thẳng tự nhiên.

- Giữ vững độ dài mỗi bước đi và tốc độ đi.

- Người ngay ngắn, không nghiêng ngả, gật gù, liếc mắt hoặc quay nhìn xung quanh, không nói chuyện.

- Mắt nhìn thẳng, nét mặt vui tươi phấn khởi

**PHIẾU SỐ: 10**

***Câu 1:* Đồng chí cho biết có bao nhiêu chức trách của người gác? (được quy định tại Điều 124, Mục 6, Chương V/ĐLQLBĐQĐNDVN 2015). Nêu nội dung từng chức trách.**

**\*** Điều 124, Mục 6, Chương V/ĐLQLBĐQĐNDVN 2015 quy định người gác có 3 chức trách.

\* Nội dung chức trách:

1. Người gác là người đang làm nhiệm vụ SSCĐ để bảo vệ mục tiêu được giao. Không ai có quyền được xâm phạm đến thân thể, vị trí của người gác.

2. Người gác phải ở vị trí gác, có thể đi lại xung quanh khu vực gác. Tư thế phải nghiêm túc, đúng động tác gác; nếu trang bị súng tiểu liên thì ở tư thế mạng súng hoặc chuẩn bị bắn, nếu trang bị súng trường thì ở tư thế nghiêm, nghỉ, khi di chuyển thì xách súng hoặc cầm ngang súng.

3. Người gác phải luôn tỉnh táo, tập trung tư tưởng, không ngủ gật, hút thuốc, đọc báo, cười đùa, ăn uống. Cấm bỏ gác hoặc nhận bất cứ vật gì của người khác.

**Câu 2*:* Đồng chí nêu ý nghĩa, hô khẩu lệnh và thực hành động tác: Chào tại chỗ, nhìn bên phải (bên trái) chào và thôi chào theo 2 bước (bước 1, 3)?**

*Ý nghĩa:* Để biểu thị kỷ luật Quân đội, thể hiện tinh thần đoàn kết, nếp sống văn minh, thống nhất hành động, biểu thị tư thế tác phong quân nhân thể hiện tính đặc thù của quân đội.

**1. Động tác chào và thôi chào khi đội mũ kê pi**

Khẩu lệnh: “Nhìn bên phải (trái) – CHÀO” có dự lệnh và động lệnh; “Nhìn bên phải (trái)” là dự lệnh, “CHÀO” là động lệnh.

Khi luyện tập cơ bản dùng khẩu lệnh “CHÀO”, “THÔI” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

*a) Động tác chào:*

- Khẩu lệnh: “CHÀO”.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “CHÀO”, tay phải đưa lên theo môt đường gần nhất, đặt đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành lưỡi trai, năm ngón con khép lại và duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống và hơi chếch về trước. Bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên và ngang với thân người. Đầu ngay ngắn, mắt nhìn thẳng vào đối tượng mình chào.

*b) Động tác thôi chào:*

- Khẩu lệnh: “THÔI”

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, tay phải đưa xuống theo đường gần nhất về tư thế đứng nghiêm.

**2. Động tác nhìn bên phải (bên tái) chào và thôi chào**

- Khi nghe dứt động lệnh “CHÀO”, tay phải đưa lên chào đồng thời đánh mặt lên 150 và quay mặt sang bên phải (trái) 450, mắt nhìn vào đối tượng mình chào.

Khi thay đổi hướng chào từ 450 bên phải (trái), thì nhìn theo người mình chào, đến chính giữa phía trước mặt dừng lại, tay không đưa theo vành mũ.

- Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, tay phải đưa xuống theo một đường gần nhất, đồng thời quay mặt về tư thế đứng nghiêm.